

Cao Bằng, ngày 24 tháng 5 năm 2024

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 20

Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Hoàng Châm Anh	8,50	Tám phẩy năm	18	Nông Hồng Lam	8,50	Tám phẩy năm
2	Chu Văn Chuyên	8,50	Tám phẩy năm	19	La Văn Lập	8,50	Tám phẩy năm
3	Nguyễn Chung Công	8,50	Tám phẩy năm	20	Bế Thị Hồng Lê	8,50	Tám phẩy năm
4	Lý Kim Cúc	8,50	Tám phẩy năm	21	Nông Thị Thùy Loan	9,00	Chín
5	Lục Thúy Dung	9,00	Chín	22	Lý Văn Lợi	9,00	Chín
6	Vương Thùy Dung	8,75	Tám phẩy bảy năm	23	Nông Văn Nghị	9,00	Chín
7	Đinh Thị Thảo Hằng	9,00	Chín	24	Trần Thị Hồng Nhung	8,50	Tám phẩy năm
8	Nông Thị Hậu	8,50	Tám phẩy năm	25	Luong Thị Noi	8,50	Tám phẩy năm
9	Hoàng Quỳnh Hoa	8,75	Tám phẩy bảy năm	26	Đàm Văn Sơn	8,50	Tám phẩy năm
10	Hoàng Thị Hoài	8,50	Tám phẩy năm	27	Trần Thị Thắm	8,50	Tám phẩy năm
11	Phan Thị Bích Hồng	8,75	Tám phẩy bảy năm	28	Nông Thị Hồng Thắm	8,75	Tám phẩy bảy năm
12	Nhâm Thị Hồng	8,50	Tám phẩy năm	29	Nông Thị Thơ	8,50	Tám phẩy năm
13	Bế Minh Huệ	9,00	Chín	30	Triệu Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
14	Nông Hoàng Huệ	8,50	Tám phẩy năm	31	Nguyễn Minh Trí		<i>Thôi học</i>
15	Hoàng Thị Lan Hương	8,50	Tám phẩy năm	32	Đoàn Thị Phương Trinh		<i>Thôi học</i>
16	Nông Văn Hữu	8,75	Tám phẩy bảy năm	33	Triệu Thanh Tùng	8,75	Tám phẩy bảy năm
17	Hoàng Quốc Huy	8,75	Tám phẩy bảy năm	34	Hoàng Sơn Vinh	8,50	Tám phẩy năm

Điểm 8,50: 20 điểm; Điểm 8,75: 07 điểm; Điểm 9,00: 06 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy



Trịnh Thị Ánh Hoa